

Bản án số: 90/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Sen.

Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Đô – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa:**
Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2024 “Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lý Hồng T, sinh năm: 1988 “vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử mặt”.

Địa chỉ: Ấp F, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Anh Huỳnh T1, sinh năm: 1987 “vắng mặt”.

Địa chỉ: ấp P, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lý Hồng T trình bày:

- Về hôn nhân: chị Lý Hồng T và anh Huỳnh T1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/2008 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn chị T và anh T1 chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị T và anh T1 đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T1.

- Về con chung: trong thời gian chung sống chị T và anh T1 có 01 người con chung tên Huỳnh Hoàng Minh T2, sinh ngày 17/3/2009.

- Về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống chị T và anh T1 không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Bị đơn là anh Huỳnh T1 đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, nên anh T1 đã biết được yêu cầu khởi kiện của chị Lý Hồng T. Anh T1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T.

Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập anh Huỳnh T1 tham gia phiên họp hợp lệ, nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do và anh T1 cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Hồng T. Về hôn nhân: xử cho chị L Hồng Thu được ly hôn với anh Huỳnh T1; về con chung: giao cháu Huỳnh Hoàng Minh T2, sinh ngày 17/3/2009 cho anh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2 thành niên; về cấp dưỡng nuôi con: do anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nên chị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị T, không ai được cản trở; về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh T1 không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2024 của nguyên đơn chị Lý Hồng T thì chị T kiện anh Huỳnh T1 là bị đơn cư trú tại ấp P, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn chị Lý Hồng T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung với bị đơn anh Huỳnh T1, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con

chung theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Chị Lý Hồng T là nguyên đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[1.4] Anh Huỳnh T1 là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lý Hồng T và anh Huỳnh T1 tự nguyện kết hôn khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì chị T và anh T1 chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên chị T và anh T1 sống không còn hạnh phúc. Khi phát sinh mâu thuẫn thì chị T và anh T1 không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau và đã sống ly thân từ đầu năm 2020. Từ khi sống ly thân cho đến nay chị T và anh T1 không gặp nhau để bàn bạc về việc hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng chị T yêu cầu được ly hôn; anh T1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T.

Xét thấy: hiện nay hôn nhân của chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1 là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho chị T được ly hôn với anh T1.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống chị Lý Hồng T và anh Huỳnh T1 có 01 người con chung tên Huỳnh Hoàng Minh T2, sinh ngày 17/3/2009. Từ khi chị T và anh T1 sống ly thân cho đến nay anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2. Chị T thống nhất cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu T2; anh T1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T; nguyện vọng của cháu T2 yêu cầu được tiếp tục sống chung với anh T1.

Xét thấy: từ khi chị T và anh T1 sống ly thân cho đến nay anh T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2. Hiện nay cháu T2 đang có cuộc sống ổn định cùng với anh T1, nguyện vọng của cháu T2 cũng yêu cầu được sống chung với anh T1, nên việc chị T thống nhất cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu T2 là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T2 và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, xử giao cháu T2 cho anh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2 thành niên. Do anh T1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên chị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị T, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: trong thời gian chung sống chị Lý Hồng T và anh Huỳnh T1 không có tài sản chung, chị T và anh T1 không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: trong thời gian chung sống chị Lý Hồng T và anh Huỳnh T1 không có nợ chung, chị T và anh T1 không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị L Hồng Thu xử cho chị L Hồng Thu được ly hôn với anh Huỳnh T1; về con chung: giao cháu Huỳnh Hoàng Minh T2, sinh ngày 17/3/2009 cho anh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2 thành niên; về cấp dưỡng nuôi con: do anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nên chị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị T, không ai được cản trở; về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh T1 không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc chị Lý Hồng T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004845 ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, như vậy chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Huỳnh T1 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Hồng T.

1. Về hôn nhân: xử cho chị L Hồng Thu được ly hôn với anh Huỳnh Thai .
2. Về con chung: giao cháu Huỳnh Hoàng Minh T2, sinh ngày 17/3/2009 cho anh Huỳnh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2 thành niên. Chị Lý Hồng T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị T, không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung: chị Lý Hồng T và anh Huỳnh T1 không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: chị Lý Hồng T và anh Huỳnh T1 không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.
5. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Lý Hồng T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004845 ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, như vậy chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Huỳnh T1 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn chị Lý Hồng T và anh Huỳnh T1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.
7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Khánh Hòa,
huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo